

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

Bản án số: 806/2026/DS-PT

Ngày 18 - 9 - 2026

V/v tranh chấp “Hợp đồng
chuyển nhượng quyền sử dụng
đất, yêu cầu công nhận quyền sử
dụng đất”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Tuyền

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng

Bà Lưu Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Điều - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 339/2026/TLPT-DS ngày 14 tháng 5
năm 2026 về việc tranh chấp “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, yêu
cầu công nhận quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 47/2025/DS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2025
của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân
dân Khu vực 3 - Đồng Tháp) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1101/2026/QĐ-PT
ngày 04 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Khu phố R, thị trấn T, C, Tiền Giang (nay là xã C, tỉnh Đồng
Tháp).

Người đại diện theo ủy quyền của bà M: bà **Trần Thị Kim E**, sinh năm
1968

Địa chỉ: khu phố P, phường T, tỉnh Đồng Tháp (theo hợp đồng ủy quyền
ngày 20/6/2026)

2. Bị đơn:

2.1. Anh **Nguyễn Anh K**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Khu phố R, thị trấn T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã C, tỉnh Đồng Tháp).

2.2. Bà **Đỗ Thị Kim L**, sinh năm 1963.

- *Người đại diện uỷ quyền của bà L, anh K*: Chị **Nguyễn Thị Ngọc H**, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ: Khu phố R, thị trấn T, C, Tiền Giang (nay là xã C, tỉnh Đồng Tháp) (theo Hợp đồng uỷ quyền ngày 24/4/2025).

2.3. Chị **Nguyễn Thị Ngọc H**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Khu phố R, thị trấn T, C, Tiền Giang (nay là xã C, tỉnh Đồng Tháp).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà **Phan Thị Thúy Á**, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố R, thị trấn T, C, Tiền Giang (nay là xã C, tỉnh Đồng Tháp).

3.2. Bà **Nguyễn Thị L1**, sinh năm 1955

- *Người đại diện uỷ quyền của bà L1*: Chị **Nguyễn Thị Ngọc H**, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ: Khu phố R, thị trấn T, C, Tiền Giang (nay là xã C, tỉnh Đồng Tháp) (theo Hợp đồng uỷ quyền ngày 24/4/2025).

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn - **Nguyễn Thị M**.

Có mặt bà Kim E, chị H, bà Á

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm,

* Nguyên đơn Nguyễn Thị M trình bày:

Bà M yêu cầu Toà án công nhận việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà M và ông H2, bà L, chị H vào năm 2009 đối với phần đất bà đang quản lý là cái ao diện tích đo đạc thực tế là 90,1 m² thuộc thửa đất số 32, tờ bản đồ số 17, đất toạ lạc tại khu phố R, thị trấn T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Buộc bà L, chị H, anh K thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà M phần đất cái ao diện tích đo đạc thực tế là 90,1 m² thuộc thửa đất số 32, tờ bản đồ số 17, đất toạ lạc tại khu phố R, thị trấn T, huyện C, tỉnh Tiền Giang khi bản án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn Đỗ Thị Kim L và Nguyễn Thị Ngọc H có ý kiến trình bày:

Không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà M, trước đây năm 2009 ông H2 có kêu chị H ký biên nhận cầm 01 phần đất cho bà M để nhận tiền từ bà M, ông H2 là người nhận tiền. Không có việc sang nhượng đất giữa ông H2 bà L chị H cho bà M

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phan Thị Thúy Á trình bày:

Yêu cầu công nhận phần đất tranh chấp diện tích đo đạc thực tế là 90,1 m² thuộc thửa đất số 32, tờ bản đồ số 17, đất tọa lạc tại khu phố R, thị trấn T, huyện C, tỉnh Tiền Giang thuộc quyền sở hữu của bà Á. Yêu cầu bà M, anh K giao đất cho bà Á, khi bản án có hiệu lực pháp luật vì bà Á mua đất hợp pháp từ anh K đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất toàn bộ thửa đất số 32, tờ bản đồ số 17, diện tích 536 m² đất tọa lạc tại khu phố R, thị trấn T, huyện C, tỉnh Tiền Giang gồm cả phần đất tranh chấp, nếu bà M muốn nhượng lại đất thì bà Á đồng ý sang tên lại với giá 400.000.000 không bao gồm chi phí thủ tục giấy tờ.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 47/2025/DS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Đồng Tháp) đã căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 123, 131, 133, 166, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M.
2. Chấp nhận đơn yêu cầu độc lập của bà Phan Thị Thúy Á.

Công nhận phần đất diện tích 90,1 m² thuộc một phần thửa đất số 32, tờ bản đồ số 17 có diện tích 536 m² tại khu phố R, thị trấn T, huyện C, tỉnh Tiền Giang thuộc quyền sở hữu của bà Á. Buộc bà M anh K có nghĩa vụ giao phần đất diện tích 90,1 m² thuộc một phần thửa đất số 32, tờ bản đồ số 17 có diện tích 536 m² tại khu phố R, thị trấn T, huyện C, tỉnh Tiền Giang cho bà Á khi bản án có hiệu lực pháp luật với tư cận:

Đông giáp Phạm Thị Thúy Á1, Trần Văn N, Phạm Hoài N1, Trần Thị Anh Đ, Hồ Thị Phương H1

Tây giáp Nguyễn Anh K

Nam giáp Võ Thị C

Bắc giáp Nguyễn Anh K

(theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 15/01/2024)

Bị đơn bà L chị H hoàn lại cho bà M 104.000.000 đồng, thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bà Á1 có nghĩa vụ giao cho bà M 60.000.000 đồng tiền san lấp đất ao và giá trị các tài sản trên đất là nhà vệ sinh, hồ nước, mái che, hàng rào là 14.516.952 đồng. Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 16 tháng 5 năm 2025, nguyên đơn Nguyễn Thị M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

* Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bị đơn, người liên quan không đồng ý với yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: giao dịch chuyển nhượng giữa bà M và ông H2 đã thực hiện hơn 2/3 theo quy định tại Điều 129 Bộ luật dân sự đủ điều kiện để công nhận. Khi bà Á1 nhận chuyển nhượng bà Á1 biết được trên đất có công trình của bà M và tại phiên tòa bà Á1 cũng thừa nhận phần đất tranh chấp hiện nay bà M đang quản lý sử dụng cất công trình kiên cố bà cũng không sử dụng được. Đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà M sửa án sơ thẩm theo hướng công nhận diện tích đất tranh chấp cho bà M. Đối với hợp đồng chuyển nhượng giữa anh K và bà Á1 vô hiệu đối với diện tích đất 90,1m² hậu quả sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và xác định người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M đúng theo quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung kháng cáo ngày 16 tháng 5 năm 2025, nguyên đơn Nguyễn Thị M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M:

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự thống nhất: ông Nguyễn Văn H2 và các thành viên trong hộ gia đình trực tiếp quản lý sử dụng thửa đất 32, tờ bản đồ 17 diện tích 988,7 m² do hộ bà Nguyễn Thị S đứng tên quyền sử dụng đất. Ngày 10/02/2009, ông Nguyễn Văn H2 ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Ngọc H là con gái của ông H2 giải quyết phần đất để giải quyết nợ. Tại giấy biên nhận ngày 19/01/2009 âm lịch giữa chị H, bà Nguyễn Thị M thể hiện nội dung chị H được ông H2 ủy quyền sang nhượng phần đất là cái ao ngang 11,5 mét chiều vò 7,4 mét với giá 104.000.000 đồng cho bà M, giấy biên nhận này chị H, bà Đỗ Thị Kim L là vợ ông H2 có ký tên và nhận 99.000.000 đồng, sau đó làm thêm giấy biên nhận nhận tiền ngày 04/02/2009 âm lịch chị H nhận thêm 5.000.000 đồng.

Giao dịch chuyển nhượng đất ngày 19/01/2009 âm lịch giữa ông H2 với bà M nêu trên chưa đúng quy định pháp luật về hình thức, nhưng giữa hai bên đã thực hiện xong việc giao nhận tiền 104.000.000 đồng. Bà M nhận đất quản lý sử dụng bơm cát làm nhà vệ sinh, hồ nước, mái che, hàng rào từ thời điểm giao dịch ngày 19/01/2009 cho đến nay. Chủ thể tham gia giao kết có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Về giá của giao dịch với diện tích 90,1m² cái ao không có lối đi vào thời điểm năm 2009 giá 104.000.000 đồng là cao so với thị trường.

Đến ngày 02/5/2009 khi bà S chết không để lại di chúc và tới ngày 20/8/2011 các người thừa kế và thành viên hộ lập văn bản phân chia di sản thừa kế thống nhất giao thừa đất 32, tờ bản đồ 17 diện tích 988,7 m² cho ông H2. Sau khi được đứng tên quyền sử dụng đất đúng quy định ông H2 không làm thủ tục chuyển nhượng cho bà M theo quy định. Đến năm 2011 ông H2 tách thửa 32 thành 02 thửa gồm thửa 167 diện tích 379,8 m² và thửa 32 diện tích 536m². Thửa 167 diện tích 379,8 m² bán cho Lê Thị Bé N2 còn thửa 32 diện tích 536m² trong đó có phần diện tích bán cho bà M, khi ông H2 chết năm 2020 thì những người thừa kế thống nhất giao anh K đứng tên, đến năm 2022 anh K chuyển nhượng toàn bộ thửa đất 32 diện tích 536m² cho bà Phan Thị Thúy Á, trong đó có diện tích 90,1m², quá trình từ ông H2 đến anh K, bà Á được cấp giấy chứng nhận QSDĐ đều bao gồm cả phần đất diện tích đo đạc thực tế là 90,1 m² gồm các công trình trên đất đang tranh chấp hiện do bà M là người quản lý sử dụng. Khi ông H2 đứng tên quyền sử dụng hợp pháp thời điểm năm 2011 lúc này ông H2 phải làm thủ tục chuyển nhượng đất cho bà M, tuy nhiên kể từ thời điểm trên cả gia đình ông H2 đều biết việc chuyển nhượng đất cho bà M đã nhận đủ tiền và giao đất nhưng cố tình không làm thủ tục mà tiếp tục bán cho người khác đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà M.

Giao dịch chuyển nhượng đất ngày 19/01/2009 âm lịch giữa ông H2 với bà M trên chưa đúng quy định pháp luật về hình thức, nhưng hai bên đã thực hiện hơn 2/3 nghĩa vụ trong giao dịch, do đó theo yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án công nhận việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà M và ông H2, bà L, chị H vào năm 2009 đối với phần đất cái ao diện tích đo đạc thực tế là 90,1m² thuộc thửa đất số 32, tờ bản đồ số 17, đất tọa lạc tại khu phố R, thị trấn T, huyện C, tỉnh Tiền Giang là có căn cứ đúng quy định tại khoản 2 Điều 129, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự.

Đối với yêu cầu của bà Phan Thị Thúy Á yêu cầu bà M anh K liên đới giao cho bà Á phần đất tranh chấp diện tích 90,1 m² tại địa chỉ khu phố R, thị trấn T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã C, tỉnh Đồng Tháp). Thời điểm bà Á chuyển nhượng đất của anh K bà Á biết rõ trên đất đã có làm hàng rào tách biệt giữa phần đất tranh chấp với đất còn lại của anh K, đất tranh chấp do bà M sử dụng đã xây dựng công trình kiên cố trên đất. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Á trình bày khi mua đất bà biết hiện nay phần đất tranh chấp là do bà M sử dụng, đã làm hàng rào riêng biệt, bà cũng không sử dụng được phần tích tranh chấp bà cũng đồng ý chuyển nhượng cho bà M nhưng yêu cầu bà M phải trả cho bà số tiền 450.000.000 đồng. Khi chuyển nhượng đất giữa bà Á và anh K trên đất có

tài sản của người thứ ba nhưng không có ý kiến của người thứ ba mà bà Á vẫn tiếp tục chuyển nhượng, giao dịch chuyển nhượng giữa bà Á với anh K vô hiệu ngay thời điểm giao kết đối với diện tích đất đang tranh chấp. Do đó bà Á yêu cầu bà M, anh K liên đới giao cho bà Á phần đất tranh chấp diện tích 90,1m² là không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với hậu quả của giao dịch vô hiệu giữa bà Á với anh K. Bà Á với anh K là người tham gia giao kết với nhau, nếu vô hiệu thì giải quyết hậu quả giữa anh K với bà Á, bà M không có liên quan đến giao dịch trên, do đó việc bà Á yêu cầu bà M trả cho bà số tiền 450.000.000 đồng không được bà M đồng ý và không có căn cứ để chấp nhận. Do đó đối với hậu quả của hợp đồng vô hiệu giữa bà Á với anh K đối với diện tích 90,1m² nếu có yêu cầu sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Diện tích hiện đang tranh chấp 90,1 m², không đủ điều kiện tách thửa, tuy nhiên liền kề phần đất tranh chấp bà M đang quản lý sử dụng thửa đất 134, tờ bản đồ số 17, diện tích 54,2m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp ngày 04/6/2011 do nhận chuyển nhượng của anh Phạm Hoài N1, chị Dương Thị Ngọc S1. Do đó theo quy định tại điều 220 Luật đất đai và khoản 7 Điều 6 của quyết định số 75/QĐ-UB ngày 03/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ được phép tách thửa để hợp với thửa đất liền kề số 134 của bà M.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M.

Diện tích đất công nhận cho bà M 90,1m² thuộc một phần thửa đất số 32, tờ bản đồ số 17 tổng diện tích 536,0m² do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho bà Phan Thị Thúy Á ngày 12/7/2022, do đó bà M liên hệ để cấp giấy chứng nhận đối với phần đất công nhận, còn diện tích đất của bà Á đăng ký biến động theo quyết định của Tòa án.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

[6] Những ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị sửa bản án sơ thẩm phù hợp như đã nhận định trên nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[7] Về án phí phúc thẩm: bà M không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 47/2025/DS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Đồng Tháp).

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 129, 131, 166, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M.

Công nhận giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn H2, bà Đỗ Thị Kim L, chị Nguyễn Thị Ngọc H và bà Nguyễn Thị M đối với phần đất diện tích 90,1 m² thuộc một phần thửa đất số 32, tờ bản đồ số 17 có diện tích 536 m² tại khu phố R, thị trấn T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã C, tỉnh Đồng Tháp) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS00689 ngày 12/7/2022 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho bà Phan Thị Thúy Á. (có sơ đồ kèm theo)

Bà M được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục được phép tách thửa diện tích 90,1 m² thuộc một phần thửa đất số 32, tờ bản đồ số 17 có diện tích 536 m² để hợp với thửa đất liền kề số 134 của bà M chuyển nhượng của anh Phạm Hoài N1, chị Dương Thị Ngọc S1. Bà Phan Thị Thúy Á được quyền đăng ký biến động quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2/ Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Phan Thị Thúy Á về việc công nhận và buộc bà Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Anh K có nghĩa vụ giao phần đất diện tích 90,1 m² thuộc một phần thửa đất số 32, tờ bản đồ số 17 có diện tích 536 m² tại khu phố R, thị trấn T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã C, tỉnh Đồng Tháp) cho bà Á khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm: nguyên đơn bà Nguyễn Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại bà M 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0006548 ngày 10/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Bị đơn bà Đỗ Thị Kim L, anh Nguyễn Anh K, chị Nguyễn Thị Ngọc H chịu 300.000 đồng án phí.

Bà Phan Thị Thúy Á phải chịu 300.000 đồng án phí, bà Á đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0011938 ngày 16/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành nên xem như nộp xong án phí.

Bà Nguyễn Thị M không phải chịu án phí phúc thẩm, hoàn lại bà M 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0012930 ngày 16/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND KV 3 - Đồng Tháp;
- PTHADS KV 3 - Đồng Tháp;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (Thẩm).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Ngọc Tuyên